TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM ĐẢO** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2019/HNGĐ-ST
Ngày 28 tháng 11 năm 2019
"*V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐẢO, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Quốc Việt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Duy Nguyên và ông Triệu Ngọc Đĩnh

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Hải Yến, Thư ký tòa án Toà án nhân dân huyện Tam Đảo.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đảo tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thu Hiền, Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 195/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2019 về việc tranh chấp "Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 452/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trương Thị M, sinh năm 1991; nơi ĐKHKTT: Thôn Đ, xã H, huyện TĐ, tỉnh Vĩnh Phúc; hiện cư trú tại: Xóm T, xã M, huyện TĐ, tỉnh Vĩnh Phúc. Có mặt

2. Bị đơn: Anh Trần Văn L, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện TĐ, tỉnh Vĩnh Phúc. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 8 năm 2019 và những lời khai tiếp theo nguyên đơn là chị Trương Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn L kết hôn với nhau ngày 17/3/2011 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện TĐ, tỉnh Vĩnh Phúc trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn chị về làm dâu và chung sống cùng gia đình nhà anh L ở thôn Đồi Cao, xã Hợp Châu được thời gian ngắn thì vợ chồng ra ở riêng. Quá trình sống chung tình cảm vợ chồng thời gian đầu hòa

thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên, đến năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Đến tháng 7 năm 2019 thì chị về nhà mẹ đẻ ở Xóm Thông, xã Minh Quang ở từ đó đến nay, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Trần Thị Thu U, sinh ngày 31/5/2011 và cháu Trần Văn Đ, sinh ngày 19/01/2017. Hiện hai cháu đang ở cùng chị. Ly hôn, chị đề nghị được nuôi dưỡng cháu U và cháu Đ và không yêu cầu anh Liên phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức và đất canh tác: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần những vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đảo phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị: Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

- Cho chị Trương Thị M được ly hôn anh Trần Văn L.

- Giao cho chị Man trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ, anh L trực tiếp nuôi dưỡng cháu U; không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

- Chị M phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Chị Trương Thị M có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Văn Liên, anh Liên có nơi cư trú tại xã Hợp Châu, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc. Do vậy, xác định đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với anh Trần Văn L, mặc dù anh L có mặt tại địa phương và có biết việc chị M có

làm đơn xin ly hôn nhưng anh L cố tình gây khó khăn, không đến Tòa án để làm việc. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiếp tục đưa vụ án ra xét xử.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trương Thị M và anh Trần Văn L kết hôn với nhau ngày 17/3/2011, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hợp Châu, huyện Tam Đảo trên cơ sở được tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, từ tháng 7 năm 2019 vợ chồng sống ly thân. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập nhiều lần, mặc dù anh L biết việc chị M có đơn xin ly hôn nhưng không hợp tác và không đến Tòa làm việc. Qua xác minh tại địa phương cũng như gia đình anh Liên, thể hiện: Do anh L không tu chí làm ăn nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên xô xát, đến giữa năm 2019 thì vợ chồng sống ly thân. Điều đó chứng tỏ hôn nhân của chị M và anh L đã lâm vào tình trạm trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu của chị M, cho chị M được ly hôn anh L là phù hợp.

[3] *Về con chung*: Chị M xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Thị Thu U, sinh ngày 31/5/2011 và cháu Trần Văn Đ, sinh ngày 19/01/2017. Hiện hai cháu đang ở cùng chị. Ly hôn, chị đề nghị được nuôi dưỡng cháu U và cháu Đ và không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, cháu Đ còn rất nhỏ, cháu cần sự chăm sóc nuôi dưỡng của người mẹ và thuộc trường hợp con dưới 36 tháng tuổi theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình nên cần giao cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đ, anh L được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu U, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp.

[4] *Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức và đất canh tác*: Chị Man không yêu cầu giải quyết, đồng thời quá trình giải quyết vụ án anh L vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này mà sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác khi có yêu cầu của đương sự.

[5] *Về án phí*: Chị M phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị Trương Thị M được ly hôn anh Trần

Văn L

[2] *Về con chung*: Giao cho chị Trương Thị M trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Văn Đ, sinh ngày 19/01/2017, anh Trần Văn L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Thị Thu U, sinh ngày 31/5/2011; không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

[3] *Về án phí*: Chị Trương Thị M phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2017/0001239 ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Đảo. Chị Trương Thị M đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tam Đảo;
- Chi cục THADS huyện Tam Đảo;
- Các đương sự;
- UBND xã Hợp Châu;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Quốc Việt